

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 102/2022/DS-PT
Ngày 16-5-2022
V/v tranh chấp lỗi đi chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp lỗi đi chung.

Do Bản án dân sự số 36/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐ-PT ngày 20/4/2022 ngày 20/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Từ Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A80, khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Anh K, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Số 235 C, khu phố N, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm M, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 14, khu phố C, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 569, Đại lộ B, phường H, thành phố T3, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Lâm Tuấn M1, sinh năm 2011;

2. Cháu Lâm Mỹ N1, sinh năm 2014; người đại diện hợp pháp của cháu M1 và cháu N1: Ông Lâm Kim Đ, sinh năm 1971 và bà Lâm Tú A, sinh năm 1979, là cha, mẹ của cháu M1, cháu N1; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Lâm Kim Đ, sinh năm 1971 địa chỉ: Số 02, Trương Vĩnh K, khu phố C, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Kim X, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 40, Huỳnh Văn C, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/4/2022); có mặt.

4. Bà Lâm Tú A, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 02, Trương Vĩnh K, khu phố C, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Lâm Thị H1, sinh năm 1960;

6. Ông Lâm Kim P, sinh năm 1966;

7. Ông Lâm Tuấn C, sinh năm 2002;

8. Ông Lâm Tuấn K, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số A73, khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Từ Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Từ Văn D được Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 188680, số vào sổ cấp GCN: H2018/BN ngày 24/02/2009 đối với thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) với diện tích 621m² tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Thửa đất trên của ông D, cạnh phía Nam và phía Tây tiếp giáp với thửa đất số 304, tờ bản đồ số 7 được Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 380490, số vào sổ cấp GCN: CS07955 ngày 28/6/2017 cho bà Lâm M và lối đi chung từ đường C1 đi vào thửa đất của bà Lâm M. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp cho bà Lâm M có thể hiện con đường đi chung từ thửa đất của bà Lâm M ra đường C1 và đường đi chung này tiếp giáp với thửa đất của ông Từ Văn D.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng bà Lâm M đã tự ý xây dựng cổng và rào lưới B40 từ ngoài đường C1 đi vào thửa đất bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không cho ông Từ Văn D cùng sử dụng lối đi chung. Ngoài ra, khi tiến hành rào lưới B40 từ ngoài đường vào phần đất của thửa đất của bà M thì có lấn sang phần diện tích đất của ông D.

Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm M tháo dỡ hàng rào lưới B40 và công rào để trả lại lối đi chung. Buộc bà Lâm M trả lại phần diện tích đất khoảng 25m² thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương cho ông Từ Văn D.

Trong quá trình giải quyết, ông Từ Văn D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Lâm M về việc yêu cầu bà Lâm M trả lại phần diện tích đất khoảng 25m² thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương cho ông Từ Văn D.

Nay, ông Từ Văn D yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm M tháo dỡ hàng rào lưới B40 và công rào để trả lại lối đi chung theo kết quả đo đạc thực tế.

Các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Từ Văn D, bà Lâm M; biên bản hòa giải ...

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 304, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương được Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 380490, số vào sổ cấp GCN: CS07955 ngày 28/6/2017 cho bà Lâm M có nguồn gốc là cha mẹ của bà M nhận chuyển nhượng từ năm 1975. Khi nhận chuyển nhượng đã có lối đi từ đường C1 dẫn vào nhà và đất của bà M, có hàng rào lưới B40 do ông Từ Văn D rào và mương nước sử dụng chung giữa lối đi vào nhà của bà M với phần đất của ông D. Lối đi này chỉ có gia đình bà M sử dụng, ngoài ra không có ai sử dụng và đi chung con đường này kể cả ông Từ Văn D. Đồng thời, theo các biên bản xác minh hiện trạng thửa đất có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm M thể hiện con đường đi chung nằm trong phần đất mà cha mẹ bà Lâm M nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017, bà Lâm M bỏ ra để làm lối đi chung của gia đình bà Lâm M.

Trong quá trình sử dụng, bà Lâm M tiến hành xây dựng một trụ cổng bê tông, cửa sắt tiếp giáp với đường C1 và đóng trụ sắt rào lưới B40 từ ngoài cổng vào tiếp giáp phần đất của bà Lâm M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phía tiếp giáp với đất ông D).

Từ trước đến nay, ông Từ Văn D sử dụng lối đi ra phía trước tiếp giáp đường C1 (do đất của ông D tiếp giáp với đường C1), không sử dụng lối đi vào thửa đất của bà Lâm M nên ông Từ Văn D không có quyền buộc bà Lâm M phải tháo dỡ cổng và hàng rào trụ sắt kéo lưới B40 để làm lối đi chung. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của ông Từ Văn D thì bà Lâm M không đồng ý.

Tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lâm M; biên bản xác minh ranh đất; tờ thỏa thuận...

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Kim Đ, bà Lâm Thị H1 và ông Lâm Kim P trình bày:

Ông Đ, bà H1 và ông P là em ruột của bà Lâm M và thống nhất với lời trình bày của bà Lâm M về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với con đường đi mà ông D đang tranh chấp với bà M. Từ thời điểm mua từ năm 1975 đến khi bà M nhận thừa kế (năm 2017) thì gia đình Ông Đ, bà H1, ông P, bà Lâm M đều sử dụng phần lối đi này, ngoài ra không còn ai sử dụng chung lối đi mà ông D đang yêu cầu bà Lâm M trả lại lối đi chung. Phần diện tích đất sử dụng làm lối đi là do cha mẹ bà Lâm M nhận chuyển nhượng chứ không phải là lối đi chung.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Từ Văn D vào năm 2009 thể hiện phía Tây giáp với phần đất của ông Lưu Du N2, không phải là lối đi chung. Ranh giới đất giữa thửa đất của ông D và bà Lâm M có một hàng rào ổn định mấy chục năm, không ai xâm phạm, gia đình bà Lâm M làm cổng rào phía trước và tường rào lưới B40 để bảo vệ phần đất bên trong của bà Lâm M. Do đó, ông Lâm Kim Đ, bà Lâm Thị H1 và ông Lâm Kim P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Từ Văn D; đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Tú A, Lâm Tuấn K, Lâm Tuấn C, cháu Lâm Tuấn M1, cháu Lâm Mỹ N1 trình bày:

Bà A, ông K, ông C, cháu M1, cháu N1 là con dâu và cháu của bà Lâm M. Từ trước đến nay chỉ có gia đình bà Lâm M cùng với các gia đình các em ruột của bà M sử dụng lối đi mà ông D đang tranh chấp, không có ai tranh chấp, ông D đã xây dựng bờ tường bê tông để xác định chính xác ranh giới đất của ông D. Bà A, ông K, ông C, cháu M1, cháu N1 có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 170 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn D về việc yêu cầu buộc bà Lâm M trả lại phần diện tích đất khoảng 25m² thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương cho ông Từ Văn D.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn D đối với bị đơn bà Lâm M về việc yêu cầu bà Lâm M tháo dỡ hàng rào lưới B40 và cổng rào để trả lại lối đi chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/12/2021, ông Từ Văn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm buộc bà Lâm M phải tháo dỡ cổng sắt, trụ sắt và hàng rào lưới B40 để trả lại lối đi chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Từ Văn D không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu và giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận kháng cáo của ông Từ Văn D, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà Lâm M phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, cổng rào để trả lại lối đi chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Từ Văn D làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của ông Từ Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 08/3/2021, ông Từ Văn D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Lâm M phải trả lại diện tích đất 25m², thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ số C2, tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã được bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn D về việc yêu cầu buộc bà Lâm M trả lại phần diện tích đất khoảng 25m² thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Các đương sự không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[2.2] Đối với diện tích đất: 153,5m² có chiều rộng giáp đường C1 là 3,48m, chiều dài giáp ranh giới đất thửa số 777 của ông Từ Văn D dài 42,40m (bút lục số 170) có nguồn gốc đất của hộ bà Lưu Du N2 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Võ và bà Nguyễn Thị Xuân từ trước năm 1975. Năm 1997 bà Lưu Du N2 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không làm đơn yêu cầu cấp phần đất này. Ngày 19/3/1997, hộ bà Lưu Du N2 được CƠ QUAN U huyện T1 (nay là thành phố T1) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích sử dụng là 2.946m² tại xã B2, huyện T1, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương). Hiện nay phần đất làm đường đi chung trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, các chủ đất liền kề không có ý kiến về con đường đi nêu trên và con đường đi trên đã

được cập nhật trên bản đồ địa chính và do nhà nước quản lý. Đồng thời, bà Lâm M cũng thống nhất về nội dung biên bản, cam kết phần đường đi trên sử dụng ổn định từ trước đến nay và do Nhà nước quản lý, cam kết không tranh chấp hay khiếu nại về sau.

[2.3] Ngày 28/6/2017, bà Lâm M được Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07955, tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.522,7m² tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương. Tại mục III sơ đồ thửa đất thể hiện có đường đi chung ngang 4,51m ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm M.

[2.4] Tại Công văn số 105/CNTA-ĐK&CGCN ngày 19/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T1, tỉnh Bình Dương thể hiện: Ngày 28/6/2017, bà Lâm M được Sở T5 tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 304, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Phía Đông Bắc tiếp giáp với ruộng nước 2m và đường đi chung rộng từ 4,51m đến 4,56m. Đồng thời theo Biên bản xác minh ngày 17/5/2021 được đại diện Cơ quan U phường B2, thành phố T1 cung cấp thể hiện con đường đi từ ngoài đường C1 đi vào thửa đất số 304, tờ bản đồ C2 (DC) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1 được cấp cho bà Lâm M là lối đi chung công cộng, lối đi này được cập nhật trên bản đồ địa chính và do Nhà nước quản lý nên lối đi này không phải là lối đi riêng của bất cứ cá nhân, hộ gia đình nào. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn và nguyên đơn đều thống nhất xác định công rào có chiều ngang 4,5m, chiều cao 2,8m; lưới B40 có chiều dài 42,40m, có chiều cao 1,8m giáp từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến ranh mốc giới đất bà Lâm M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Việc bà Lâm M tự ý xây dựng cửa sắt gắn liền với trụ cổng tiếp giáp với đường C1 và kéo rào lưới B40 trụ sắt chạy dài tiếp trên lối đi chung công cộng do Nhà nước quản lý tiếp giáp ranh mốc giới thửa đất số Q của ông Từ Văn D là lấn chiếm lối đi công cộng, gây cản trở việc đi lại của cá nhân, hộ gia đình của ông Từ Văn D và nhân dân sinh sống tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, xâm phạm đến quyền sử dụng lối đi chung, lối đi công cộng do Nhà nước quản lý.

[2.6] Từ những phân tích và lập luận trên có căn cứ xác định quyền sử dụng lối đi chung của ông Từ Văn D yêu cầu bà Lâm M phải tháo dỡ cổng sắt và hàng rào lưới B40 trụ sắt chạy dài tiếp giáp với phần đất của ông D để trả lại lối đi chung là có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận kháng cáo của ông Từ Văn D. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Từ Văn D, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà Lâm M phải tháo dỡ cổng rào và hàng rào lưới B40 trụ sắt để trả lại lối đi chung là phù hợp.

[2.7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Từ Văn D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Từ Văn D. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn D về việc yêu cầu buộc bà Lâm M trả lại phần diện tích đất khoảng 25m² thuộc thửa đất số Q, tờ bản đồ C2 (DC7) tọa lạc tại khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương cho ông Từ Văn D.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn D đối với bị đơn bà Lâm M về việc yêu cầu bà Lâm M phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và cổng rào để trả lại lối đi chung.

Buộc bà Lâm M phải tháo dỡ cổng rào (có chiều ngang 4,5m, chiều cao 2,8m) tiếp giáp với đường C1 và hàng rào lưới B40, trụ sắt (có chiều dài 42,40m, chiều cao 1,8m) tiếp giáp với đường C1 giáp ranh mốc giới đất của ông Từ Văn D đến ranh mốc giới đất của bà Lâm M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại lối đi công cộng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Từ Văn D phải chịu số tiền 4.682.249 đồng, ông Từ Văn D đã nộp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả cho ông Từ Văn D số tiền 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047464 ngày 15/10/2020 của Chi cục T6 thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Bà Lâm M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho ông Từ Văn D số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001920 ngày 05/01/2022 của Chi cục T6 thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Văn Tâm